

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ HOÀNG ANH TUẤN

BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ
THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ - KINH NGHIỆM CỦA LIÊN MINH
CHÂU ÂU VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

HÀ NỘI - 2026

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

Người hướng dẫn khoa học 1: **PGS.TS. Vũ Trọng Lâm**



Người hướng dẫn khoa học 2: **PGS.TS. Hoàng Văn Nghĩa**



Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Phản biện 3:.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước đánh giá Luận án cấp

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu Luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Liên minh châu Âu (EU) là khu vực đi đầu trên thế giới trong việc xây dựng cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí và truyền thông số. Ngay từ khi thành lập, EU đã coi quyền con người là nền tảng, được khẳng định trong Hiệp ước Maastricht (1992), Hiến chương quyền cơ bản (2000/2009) và Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR, 1950). Trong lĩnh vực báo chí và truyền thông, EU đã ban hành nhiều văn kiện pháp lý có ảnh hưởng toàn cầu cùng với các Án lệ của Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR) đã góp phần xây dựng nguyên tắc cân bằng giữa tự do báo chí và bảo vệ quyền riêng tư, nhân phẩm. Những kinh nghiệm này là nguồn tham khảo quan trọng cho Việt Nam trong việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý, bởi EU không chỉ bảo vệ quyền tự do báo chí mà còn đặt trọng tâm vào trách nhiệm của báo chí và bảo vệ quyền của cá nhân bị ảnh hưởng bởi báo chí.

Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán quan điểm coi quyền con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển. Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: *“Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình”* (Điều 25). Cùng với đó, Luật Báo chí năm 2016, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật An ninh mạng năm 2018 cùng các văn bản dưới luật đã bước đầu tạo lập hành lang pháp lý cho tự do báo chí và bảo vệ quyền con người. Tuy nhiên, việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, đặc biệt là trong thời kỳ chuyển đổi số vẫn còn những hạn chế nhất định, trong khi quá trình hội nhập quốc tế, đòi hỏi Việt Nam phải nâng cao tiêu chuẩn pháp lý về quyền con người, trong đó có quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận và bảo vệ đời tư cá nhân.

Mặt khác, ở Việt Nam hiện nay chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu nào về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số với sự tham khảo theo kinh nghiệm của Liên minh châu Âu, do đó việc nghiên cứu đề tài ***“Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số - Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu và giá trị tham khảo cho Việt Nam”*** là cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn, góp phần bảo vệ quyền con người, củng cố dân chủ, tăng cường hiệu quả quản trị báo chí và thúc đẩy hội nhập quốc tế của Việt Nam.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát của luận án là xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam, trên cơ sở tham chiếu kinh nghiệm của Liên minh châu Âu. Luận án nhằm đề xuất những giải pháp khoa học, khả thi để hoàn thiện khung pháp luật và cơ chế chính sách, bảo vệ quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, tổng quan và phân tích các công trình nghiên cứu quốc tế và Việt Nam có liên quan đến bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

Thứ hai, làm rõ cơ sở lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí; hệ thống hóa và phát triển khung lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

Thứ ba, nghiên cứu, phân tích, đánh giá kinh nghiệm của EU trong xây dựng cơ chế pháp lý, chính sách và những án lệ nhằm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số; khảo sát thực trạng báo chí số ở Việt Nam, chỉ ra những nội dung đạt được và hạn chế, vướng mắc trong lĩnh vực này.

Thứ tư, đề xuất hệ thống giải pháp mang tính tổng thể và khả thi nhằm hoàn thiện khung pháp lý, chính sách, đồng thời nâng cao đạo đức và trách nhiệm xã hội của báo chí Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi số; tham chiếu kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là của EU.

3. Đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn liên quan đến bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở EU và Việt Nam hiện nay. Trọng tâm là những quyền cơ bản chịu tác động trực tiếp từ hoạt động báo chí và môi trường truyền thông số, bao gồm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền được tiếp cận thông tin của cá nhân; quyền riêng tư, quyền nhân thân, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân; quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử, bảo vệ nhân phẩm và danh dự.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận án được xác định trên ba phương diện:

- *Về nội dung*: tập trung vào ba trụ cột cơ bản trong quan hệ giữa báo chí và quyền con người và các vấn đề liên quan cơ chế bảo vệ quyền con người và xử lý vi phạm liên quan đến quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

- *Về không gian*: Nghiên cứu tập trung vào kinh nghiệm của Liên minh châu Âu (EU) với các thiết chế như Ủy ban châu Âu, Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR), cùng một số quốc gia thành viên điển hình (Cộng hòa Pháp và Cộng hòa Séc) và Việt Nam.

- *Về thời gian*: Luận án tập trung phân tích giai đoạn từ năm 1994 (khi EU đi vào hoạt động đầy đủ theo Hiệp ước Maastricht) đến nay, gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ của Internet, báo chí điện tử và mạng xã hội. Đối với Việt Nam, nghiên cứu nhấn mạnh giai đoạn từ năm 2016 - 2025 (giai đoạn sau khi Luật Báo chí được ban hành).

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được triển khai trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người, trong đó nhấn mạnh sự thống nhất giữa quyền dân tộc và quyền cá nhân, giữa độc lập dân tộc và hạnh phúc, tự do của nhân dân. Quan điểm chỉ đạo xuyên suốt là đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về bảo vệ quyền con người, đặc biệt được thể hiện trong Hiến pháp năm 2013 và Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Bên cạnh đó, luận án kế thừa các chuẩn mực pháp lý quốc tế (UDHR 1948, ICCPR 1966, ECHR 1950, GDPR 2016, DSA 2022, EMFA 2023), coi đây là khuôn khổ tham chiếu để phân tích kinh nghiệm EU và đối chiếu với thực tiễn Việt Nam.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu trên cơ sở lý luận là các học thuyết, các quan điểm của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện pháp luật, đảm bảo, tôn trọng, bảo vệ và thực thi quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số; phương pháp duy vật biện chứng; phương pháp duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để làm sáng tỏ nội dung của đề tài. Các phương pháp trên được vận dụng đồng bộ, có sự kết hợp và độc lập tương đối nhằm làm rõ nội dung cơ bản của đề tài, đảm bảo tính khoa học và logic giữa các vấn đề trong các chương. Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể, chủ yếu như phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp tổng hợp và phân tích; phương pháp so sánh; phương pháp lịch sử - logic; phương pháp nghiên cứu điển hình; phương pháp liên ngành... để giải quyết các vấn đề đặt ra trong nghiên cứu nội dung đề tài luận án.

5. Những đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, luận án là công trình nghiên cứu khoa học đầu tiên, đầy đủ, toàn diện về về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, từ kinh nghiệm của Liên minh châu Âu để rút ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam; hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí, đồng thời bổ sung cách tiếp cận mới gắn với đặc trưng của thời kỳ chuyển đổi số. Công trình góp phần khái quát khung lý thuyết về mối quan hệ giữa báo chí số, quyền con người và pháp luật, làm rõ vai trò của hoạt động báo

chí như một chủ thể vừa thực hiện, vừa bảo vệ quyền con người.

Thứ hai, luận án đã góp phần làm rõ khái niệm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí số trên nền tảng chuẩn mực quốc tế (UDHR năm 1948, ICCPR năm 1966), trong khu vực (ECHR 1950, Hiến chương EU 2000/2009, GDPR 2016, DSA/DMA 2022, EMFA 2023) và quốc gia (Hiến pháp năm 2013, Luật Báo chí năm 2016, Bộ luật Dân sự 2015, Nghị định 13/2023/NĐ-CP)

Thứ ba, luận án đã góp phần phát triển lý luận về trách nhiệm đa chủ thể trong bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí số, bao gồm nhà báo, cơ quan báo chí, cơ quan quản lý, các nền tảng truyền thông số và bản thân người sử dụng thông tin.

Thứ tư, luận án góp phần làm phong phú thêm hệ thống lý luận khoa học pháp lý Việt Nam về quyền con người trong hoạt động báo chí, bổ sung cơ sở khoa học để so sánh, đối chiếu với kinh nghiệm EU và quốc tế.

Thứ năm, luận án chỉ ra những hạn chế, thách thức trong bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí Việt Nam hiện nay, đặc biệt là trên các nền tảng số. Kết quả nghiên cứu cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách truyền thông, đào tạo nghiệp vụ báo chí và nâng cao nhận thức xã hội về quyền con người trong môi trường truyền thông số.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- Luận án góp phần bổ sung và phát triển khung lý thuyết về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Kết quả nghiên cứu, đề xuất của luận án góp phần vào việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, nâng cao hiệu quả thực hiện quyền con người trong lĩnh vực này.

- Luận án có giá trị thiết thực trong việc hoạch định và thực thi chính sách tại Việt Nam, cung cấp cơ sở khoa học để hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí số; đề xuất giải pháp chính sách cụ thể nhằm nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của báo chí, đồng thời bảo đảm quyền phản hồi, quyền đình chính và quyền bồi thường khi quyền cá nhân bị xâm phạm; đưa ra kinh nghiệm tham chiếu từ EU giúp Việt Nam đáp ứng tốt hơn các cam kết quốc tế về quyền con người; góp phần nâng cao nhận thức xã hội và đạo đức nghề nghiệp báo chí, khẳng định vai trò của báo chí chính thống như “người gác cổng” thông tin trong bối cảnh truyền thông số và mạng xã hội. Luận án Là nguồn tư liệu có ý nghĩa, tài liệu tham khảo hữu ích cho nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo và bồi dưỡng trong lĩnh vực báo chí, truyền thông, luật học và quyền con người ở Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án được triển khai trong 04 chương, 12 tiết.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Các nghiên cứu lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí chủ yếu dựa trên hệ thống chuẩn mực quốc tế do LHQ khởi xướng sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trong đó Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người (UDHR,) năm 1948 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR) năm 1966 xác lập nguyên tắc nền tảng: tự do báo chí và quyền riêng tư là hai quyền cơ bản cần được bảo đảm hài hòa trong xã hội. Bình luận chung số 34 của Ủy ban Nhân quyền LHQ năm 2011 đã tiếp tục cụ thể hóa nguyên tắc này, khẳng định quyền tự do biểu đạt trên mọi phương tiện truyền thông, kể cả internet, song quyền này luôn đi kèm nghĩa vụ và trách nhiệm đặc biệt nhằm bảo vệ nhân phẩm, danh dự và quyền riêng tư của cá nhân. Luận án đưa ra một số nghiên cứu điển hình của các tác giả như: De Hert và Papakonstantinou,

năm 2016 tập trung nghiên cứu General Data Protection Regulation - GDPR (Quy định chung về bảo vệ dữ liệu), được Nghị viện và Hội đồng châu Âu thông qua năm 2016, có hiệu lực từ 2018; McGonagle và De Hert và Papakonstantinou, Mark Cole trong nghiên cứu về tự do truyền thông; Dirk Voorhoof và Hannes Cannie (2010) phân tích các án lệ quan trọng của Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR); Keller và Leerssen, năm 2020, “Internet Intermediaries and Freedom of Expression” (Các trung gian Internet và quyền tự do ngôn luận) đã tổng hợp và phân tích hệ thống án lệ này... Cùng với đó là các nghiên cứu về các quyền con người cụ thể trong hoạt động báo chí, gồm: Daniel J. Solove, Keller và Leerssen, Jack Balkin, Shoshana Zuboff...

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Ở phạm vi quốc tế, EU được xem là khu vực đi đầu trong việc thiết lập các chính sách và khung pháp lý nhằm bảo đảm rằng báo chí số phát triển song hành với việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Sự tiên phong này bắt nguồn từ thực tế EU là một không gian truyền thông đa quốc gia, đa ngôn ngữ và có mức độ hội nhập cao, nên việc điều chỉnh hoạt động báo chí và nền tảng số luôn gắn liền với mục tiêu bảo vệ dân chủ, nhân quyền và pháp quyền. Nhiều học giả châu Âu đã phát triển các công trình lý luận quan trọng liên quan đến các nhóm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số như Natali Helberger trong cuốn “The Political Power of Platforms” (Quyền lực chính trị của các nền tảng số), năm 2020; Tambini, năm 2020 trong tác phẩm “Fake News: Public Policy Responses” (Tin giả: Các phản ứng chính sách công); tác giả Floridi, năm 2021 trong “The Ethics of Artificial Intelligence” (Đạo đức của trí tuệ nhân tạo)...

Từ các nghiên cứu này có thể thấy những nghiên cứu quốc tế đã mở rộng lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số theo hướng đa chiều, cởi mở hơn. Những phân tích này không chỉ củng cố cơ sở lý luận, mà còn cho thấy tính cấp thiết của việc xây dựng khung pháp lý và đạo đức báo chí mới, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay trên toàn thế giới.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước liên quan đến bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

1.2.1. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Dưới những cách tiếp cận và phân tích khác nhau, hệ thống lý luận về quyền con người ở Việt Nam đã từng bước hình thành và phát triển, làm rõ khái niệm, nội dung, bản chất, quá trình hình thành cũng như mối quan hệ giữa quyền con người và quyền công dân. Điển hình như một số công trình có giá trị học thuật tiêu biểu gồm: “Giáo trình Quyền con người” do GS.TS. Võ Khánh Vinh chủ biên (NXB Khoa học Xã hội, năm 2015); “Giáo dục quyền con người - Những vấn đề lý luận và thực tiễn” (NXB Khoa học Xã hội, năm 2010); cùng với sách chuyên khảo “Hỏi - đáp về quyền con người” của Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người và Quyền công dân - Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, cung cấp những nền tảng nhận thức cơ bản và dễ tiếp cận về vấn đề này; tác giả Nguyễn Đăng Dung, năm 2015 trên Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 11/2015 với bài viết “Hiến pháp năm 2013 với việc bảo vệ và thực hiện quyền con người ở Việt Nam”; tác giả Phạm Hữu Nghị, khi nghiên cứu về “Quyền tự do ngôn luận trong pháp luật quốc tế và Việt Nam” (Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 10/2017)...

1.2.2. Nghiên cứu về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Tại Việt Nam, cùng với tiến trình hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, vấn đề bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí đã thu hút sự quan tâm đáng kể của những nhà nghiên cứu. Một số công trình nghiên cứu chuyên sâu của các học giả về hoạt động báo chí

thời kỳ chuyển đổi số và những ảnh hưởng đến bảo vệ quyền con người như: Công trình “Chuyển đổi số báo chí Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn” (PGS.TS. Bùi Chí Trung, TS. Phạm Văn Kiên & Nguyễn Bá chủ biên, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2022); “Nhận diện văn hóa trong không gian số” (PGS.TS. Vũ Trọng Lâm, TS. Nguyễn Việt Lâm chủ biên, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2023); các công trình của tác giả Vũ Trọng Lâm, Hoàng Văn Nghĩa, Tạ Ngọc Tấn, Trần Văn Biên, Nguyễn Thị Minh Nguyệt... được đăng tải trên các Tạp chí khoa học uy tín trong nước về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

1.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu

1.3.1. Những kết quả đạt được

Nghiên cứu quốc tế và Việt Nam đã làm rõ một số vấn đề cốt lõi, là nền tảng quan trọng cho việc tiếp tục nghiên cứu và so sánh kinh nghiệm, đồng thời đặt cơ sở cho việc tham chiếu sang thực tiễn bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí tại Việt Nam thời kỳ chuyển đổi số hiện nay, cụ thể như :

- Cơ sở pháp lý quốc tế và khu vực về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số (UDHR, ICCPR, ECHR, GDPR, DSA...).
- Lý luận cân bằng giữa quyền tự do báo chí và quyền cá nhân, được phát triển qua hệ thống án lệ của EU và các nghiên cứu học thuật.
- Vai trò và trách nhiệm của hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo đối với vấn đề quyền con người.
- Thực trạng và thách thức tại Việt Nam về vấn đề dữ liệu cá nhân, tin giả, và đạo đức nghề báo trong thời kỳ chuyển đổi số.

1.3.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Từ đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu và xác định những khoảng trống lý luận và thực tiễn nghiên cứu nêu trên, luận án đặt ra một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, gồm:

Thứ nhất, cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí; hệ thống hóa và phát triển khung lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

Thứ hai, cần nghiên cứu, nghiên cứu, phân tích, đánh giá kinh nghiệm của EU trong xây dựng cơ chế pháp lý, chính sách và những án lệ nhằm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số; khảo sát thực trạng báo chí ở Việt Nam, chỉ ra những nội dung đạt được và hạn chế, vướng mắc trong lĩnh vực này.

Thứ ba, đánh giá, làm rõ quy định pháp luật Việt Nam và thực trạng áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Đề xuất hệ thống giải pháp mang tính tổng thể và khả thi nhằm hoàn thiện khung pháp lý, chính sách, đồng thời nâng cao đạo đức và trách nhiệm xã hội của báo chí Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi số; tham chiếu kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là của EU.

1.4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết khoa học

1.4.1. Giả thuyết nghiên cứu

Luận án được xây dựng và nghiên cứu dựa trên những giả thuyết nghiên cứu sau đây:

Hệ thống pháp luật và cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí ở Việt Nam thời kỳ chuyển đổi số, bên cạnh những thành tựu cơ bản, còn chứa đựng những tồn tại, hạn chế nhất định, cả về mặt thể chế, thiết chế, cơ chế bảo vệ, giám sát thực thi các quyền này. Việc nghiên cứu quyền con người theo kinh nghiệm từ EU cho thấy, có thể tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia thuộc EU, đặc biệt về cân bằng giữa các quyền và tăng cường giám sát độc lập đối với nền tảng truyền thông số, thì có thể hoàn thiện mô hình pháp lý ở Việt Nam theo hướng bảo vệ hiệu quả hơn các quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

1.4.2. Câu hỏi nghiên cứu

Từ những giả thuyết nghiên cứu đã xác định, luận án tập trung giải quyết một số câu hỏi nghiên cứu trọng tâm sau:

1) Hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số đang đặt ra những thách thức như thế nào đối với bảo vệ quyền con người?

2) Khung pháp lý và cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí cần được tiếp cận và cấu trúc như thế nào cho phù hợp với đặc thù thời kỳ chuyển đổi số?

3) Liên minh châu Âu giải quyết bài toán cân bằng giữa các quyền trong hoạt động báo chí số theo cách nào; những kinh nghiệm nào Việt Nam có thể vận dụng?

4) Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành đáp ứng ở mức độ nào yêu cầu bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số?

5) Cần hoàn thiện pháp luật và cơ chế thực thi ở Việt Nam ra sao để bảo vệ hiệu quả quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số?

Việc trả lời các câu hỏi trên không chỉ giúp kiểm chứng các giả thuyết nghiên cứu mà còn cung cấp cơ sở khoa học cho việc đề xuất giải pháp phù hợp, nhằm hoàn thiện khung pháp luật và chính sách bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ

2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.1.1. Khái niệm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.1.1.1. Khái niệm bảo vệ quyền con người

Quyền con người (Human rights) là những quyền tự nhiên, vốn có, bất khả xâm phạm và bất khả chuyển nhượng, gắn liền với mỗi cá nhân. “Quyền con người” là một phạm trù pháp lý - chính trị cơ bản, phản ánh những giá trị, nhu cầu và lợi ích tự nhiên, vốn có của con người, được thừa nhận và bảo đảm bằng pháp luật quốc gia cũng như các chuẩn mực pháp lý quốc tế. Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người của LHQ năm 1948 (UDHR) “Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền” (Điều 1), và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR): quyền con người bao gồm quyền tự do ngôn luận, quyền được bảo vệ đời tư, danh dự, nhân phẩm, và các quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi luật pháp nhằm tôn trọng quyền của người khác hoặc bảo đảm trật tự công cộng.

Ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 đã quy định “Quyền con người, quyền cá nhân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm” (Điều 14). Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định rõ quyền nhân thân gắn liền với cá nhân như: quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín (Điều 34), quyền về đời sống riêng tư và bí mật cá nhân, gia đình (Điều 38).

Bảo vệ quyền con người là tổng hợp các biện pháp pháp lý, chính trị, kinh tế và xã hội do Nhà nước và xã hội thực hiện nhằm ngăn ngừa, chấm dứt, khắc phục hành vi xâm phạm và bảo đảm việc thực thi đầy đủ, hiệu quả các quyền con người trên thực tế.

2.1.1.2. Khái niệm hoạt động báo chí

Hoạt động báo chí được hiểu là quá trình thu thập, xử lý và truyền tải thông tin đến người dân một cách trung thực, kịp thời và có trách nhiệm xã hội, nhằm phục vụ quyền được thông tin của cá nhân và lợi ích chung của xã hội. Hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số có một số đặc điểm sau:

- Hoạt động báo chí bảo vệ quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số có tính đa

dạng và tốc độ lan tỏa thông tin;

- Hoạt động báo chí bảo vệ quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số có tính tương tác cao và tham gia của các cá nhân;

- Hoạt động báo chí bảo vệ quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số có sự đan xen giữa quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia;

- Hoạt động báo chí bảo vệ quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số có sự chịu ảnh hưởng từ khung pháp luật quốc tế, khu vực và quốc gia, đồng thời phải thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số.

2.1.1.3. Khái niệm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Trong bối cảnh chuyển đổi số, hoạt động báo chí không chỉ giới hạn ở quá trình sản xuất và phổ biến thông tin, mà còn được mở rộng về nội hàm, phản ánh mối quan hệ hữu cơ giữa hoạt động báo chí và quyền con người. Sự phát triển của hoạt động báo chí dựa trên nền tảng công nghệ đã tạo điều kiện cho việc tiếp cận thông tin nhanh chóng, đa dạng và liên tục, đồng thời hình thành môi trường tương tác hai chiều giữa nhà báo, cơ quan báo chí và người dân. Điều này mở ra cơ hội quan trọng để hiện thực hóa quyền tiếp cận thông tin của người dân, song cũng đặt ra những thách thức mới trong việc bảo đảm và bảo vệ quyền con người, đặc biệt là quyền riêng tư, quyền được bảo vệ danh dự - nhân phẩm, và quyền được tiếp cận thông tin chính xác.

Khái niệm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số có thể hiểu là *“quá trình thiết lập và vận hành tổng thể các bảo đảm pháp lý và thể chế, thông qua hệ thống quy phạm pháp luật, cơ chế thực thi, giám sát, xử lý vi phạm và khắc phục hậu quả, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cùng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện, nhằm bảo đảm việc tôn trọng, thực hiện và bảo vệ các quyền con người trong hoạt động báo chí; đồng thời xử lý các hành vi xâm phạm quyền, qua đó duy trì sự cân bằng giữa quyền tự do báo chí và việc bảo vệ quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số”*.

2.1.2. Đặc điểm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.1.2.1. Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số có tính pháp lý

Đặc tính pháp lý của việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số được thể hiện trên ba phương diện cơ bản: (i) báo chí là chủ thể thực thi quyền con người thông qua việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do biểu đạt và chức năng giám sát quyền lực xã hội; (ii) báo chí là đối tượng chịu sự điều chỉnh của pháp luật, có trách nhiệm tôn trọng quyền riêng tư, danh dự, nhân phẩm và dữ liệu cá nhân; (iii) báo chí là công cụ pháp lý - xã hội góp phần thúc đẩy tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và bảo vệ công lý.

2.1.2.2. Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số có tính đa chiều

Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số mang tính đa chiều, bởi nó diễn ra trong không gian truyền thông số hóa, nơi quyền con người vừa được mở rộng cơ hội thực thi, vừa đối mặt với những rủi ro xâm phạm mới. Tính đa chiều của bảo vệ quyền con người trong báo chí thời kỳ chuyển đổi số còn thể hiện ở sự song hành giữa quyền và nghĩa vụ. Một mặt, nhà báo và cơ quan báo chí được bảo đảm quyền tự do báo chí, tự do biểu đạt, mặt khác họ phải tuân thủ các chuẩn mực pháp lý, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

2.1.2.3. Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số có tính cân bằng quyền lợi

Một trong những đặc điểm của bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số là tính cân bằng quyền lợi giữa tự do báo chí và các quyền nhân thân của cá

nhân, quyền riêng tư, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm và an toàn cá nhân. Tự do báo chí không phải là một quyền tuyệt đối mà phải được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và hài hòa với các quyền con người khác, nhằm đảm bảo rằng việc công khai thông tin cá nhân không gây tổn hại đến các giá trị nhân phẩm và đời sống riêng tư của họ. Tính cân bằng quyền lợi trong hoạt động báo chí thể hiện ở việc đảm bảo sự hài hòa giữa quyền được biết và quyền được bảo vệ, giữa tự do biểu đạt của nhà báo và an toàn nhân thân của cá nhân được đưa tin.

2.1.2.4. Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số có tính thích ứng với công nghệ

Chuyển đổi số đã thay đổi sâu sắc bản chất, quy trình và phạm vi ảnh hưởng của hoạt động báo chí, khi công nghệ trở thành yếu tố trung tâm trong việc thu thập, xử lý, phân phối và tiếp nhận thông tin. Trong bối cảnh đó, việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí không thể dựa vào các khuôn khổ pháp lý truyền thống, mà phải được thích ứng linh hoạt với các thách thức mới của kỷ nguyên công nghệ số, bao gồm quản trị dữ liệu lớn (big data), bảo mật thông tin trực tuyến, kiểm soát tin giả (fake news) và tác động của các thuật toán gợi ý nội dung (algorithmic curation). Tính thích ứng với công nghệ trong bảo vệ quyền con người thể hiện ở việc pháp luật báo chí và truyền thông phải liên tục cập nhật để phản ứng kịp thời với đổi mới công nghệ, đồng thời duy trì nguyên tắc cốt lõi của quyền con người: tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền cơ bản của cá nhân trong mọi môi trường - kể cả thời kỳ chuyển đổi số.

2.1.2.5. Đặc điểm về tính trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể của hoạt động báo chí trong bảo vệ quyền con người

Trong thời kỳ chuyển đổi số, các chủ thể của hoạt động báo chí theo Luật Báo chí năm 2016, bao gồm cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, cơ quan báo chí, nhà báo và công dân, vừa là chủ thể thực hiện quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận trên báo chí và quyền tiếp cận thông tin, vừa là chủ thể có nghĩa vụ pháp lý trong việc tôn trọng, bảo vệ quyền con người.

2.1.3. Vai trò bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.1.3.1. Vai trò bảo vệ quyền con người đối với hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số giữ vai trò đặc biệt quan trọng, thể hiện trên nhiều phương diện gắn với sự vận hành của môi trường truyền thông số.

Thứ nhất, bảo vệ quyền con người là cơ sở định hướng cho hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số phát triển đúng đắn. Khi thông tin được sản xuất, xử lý và lan truyền với tốc độ nhanh và phạm vi rộng, báo chí không chỉ đơn thuần truyền tải sự kiện mà còn tác động sâu sắc đến nhận thức, thái độ và hành vi xã hội.

Thứ hai, bảo vệ quyền con người góp phần cân bằng giữa tự do báo chí và trách nhiệm xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số. Không gian truyền thông số mở rộng đáng kể khả năng tự do biểu đạt, cho phép báo chí tiếp cận nhanh chóng công chúng và tham gia sâu hơn vào đời sống xã hội. Tuy nhiên, chính đặc điểm mở, tương tác cao và lan truyền nhanh của môi trường số cũng làm gia tăng nguy cơ lạm dụng quyền tự do báo chí, phổ biến thông tin sai lệch, xuyên tạc sự thật hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân, tổ chức.

Thứ ba, bảo vệ quyền con người là yếu tố quan trọng nâng cao uy tín và tính bền vững của hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Trong môi trường truyền thông số, nơi công chúng có khả năng phản hồi, đánh giá và lan truyền thông tin một cách nhanh chóng, uy tín của báo chí không chỉ được xây dựng bằng tốc độ đưa tin mà còn bằng mức độ tôn trọng và bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân và tổ chức liên quan.

Thứ tư, bảo vệ quyền con người còn là động lực quan trọng thúc đẩy quá trình hoàn thiện pháp luật và chuẩn mực hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng truyền thông mới đã làm xuất hiện nhiều thách thức chưa từng có đối với việc bảo đảm các quyền con người, đặc biệt là quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm.

2.1.3.2. Vai trò của hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số đối với bảo vệ quyền con người

Hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số giữ vai trò trung tâm trong việc bảo đảm quyền con người, vừa ở khía cạnh cung cấp thông tin, vừa ở khía cạnh giám sát quyền lực và thúc đẩy minh bạch xã hội.

Thứ nhất, hoạt động báo chí như một thiết chế thực thi quyền con người. Theo lý luận pháp luật quốc tế về quyền con người, Nhà nước có ba nhóm nghĩa vụ cơ bản đối với quyền con người, bao gồm nghĩa vụ tôn trọng (to respect), nghĩa vụ bảo vệ (to protect) và nghĩa vụ thực thi (to fulfil).

Thứ hai, hoạt động báo chí góp phần giám sát và cân bằng quyền lực trong xã hội pháp quyền. Theo học thuyết “Fourth Estate” (quyền lực thứ tư), báo chí là yếu tố bảo đảm cho cơ chế kiểm soát và cân bằng quyền lực trong một xã hội. Báo chí không nắm quyền lực Nhà nước, nhưng có khả năng giám sát quyền lực bằng công luận - một dạng quyền lực phi chính thức nhưng có tính ràng buộc xã hội cao.

Thứ ba, hoạt động báo chí là công cụ pháp lý - xã hội bảo vệ quyền nhân thân trong thời kỳ chuyển đổi số.

Thứ tư, hoạt động báo chí góp phần cầu nối giữa nhà nước, xã hội và cá nhân trong việc thúc đẩy các giá trị về quyền con người. Hoạt động báo chí đóng vai trò trung gian truyền thông nhân quyền, kết nối giữa chính sách nhà nước, cộng đồng xã hội và cá nhân.

Thứ năm, hoạt động báo chí là nhân tố thúc đẩy thích ứng pháp luật và đạo đức trong thời kỳ chuyển đổi số.

2.2. Nguyên tắc, nội dung, phương thức bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.2.1. Nguyên tắc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.2.1.1. Nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí

Trong điều kiện chuyển đổi số, nguyên tắc này đòi hỏi không chỉ Nhà nước mà cả cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp công nghệ, nền tảng số và các chủ thể trung gian khác đều phải thực hiện ba tầng nghĩa vụ: tôn trọng quyền (không xâm phạm), bảo vệ quyền (ngăn ngừa chủ thể khác xâm phạm), và bảo đảm quyền (thiết lập điều kiện pháp lý, thể chế, kỹ thuật để quyền được thực hiện trên thực tế).

2.2.1.2. Nguyên tắc bảo đảm sự cân bằng giữa quyền tự do báo chí và các quyền con người khác có liên quan

Trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, quyền tự do báo chí không tồn tại như một quyền tuyệt đối, mà luôn vận động trong tương quan với quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền về danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền không bị phân biệt đối xử và trong một số trường hợp là quyền được bảo vệ khỏi sự lan truyền thông tin sai lệch gây thiệt hại nghiêm trọng.

2.2.1.3. Nguyên tắc hợp pháp, chính đáng, cần thiết và tương xứng trong việc hạn chế hoặc can thiệp vào quyền

Trong pháp luật quốc tế, các tiêu chí “do luật định”, “nhằm mục đích chính đáng”, “cần thiết” và “tương xứng” là bộ tiêu chuẩn phổ biến để đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp của mọi biện pháp can thiệp vào quyền. Điều 8 ECHR quy định việc can thiệp của công quyền vào đời sống riêng tư chỉ được chấp nhận khi phù hợp với pháp luật và cần thiết trong một xã hội dân chủ nhằm bảo vệ những lợi ích được thừa nhận. Tương tự, Điều 10 ECHR cho phép hạn chế tự do biểu đạt nêu các hạn chế đó được pháp luật quy định và cần thiết trong một xã hội dân chủ vì các mục tiêu như bảo vệ quyền, danh tiếng của người khác hoặc ngăn ngừa rối loạn, tội phạm. Điều 17 ICCPR cũng cấm sự can thiệp “tùy tiện hoặc trái pháp luật” vào quyền riêng tư,

qua đó đặt ra yêu cầu kiểm soát chặt chẽ tính hợp pháp của mọi hành vi thu thập, sử dụng và công bố thông tin cá nhân.

2.2.1.4. Nguyên tắc phòng ngừa, minh bạch, trách nhiệm giải trình và bảo đảm quyền được tiếp cận biện pháp khắc phục hữu hiệu

Về phương diện pháp lý quốc tế, Điều 2 khoản 3 ICCPR yêu cầu quốc gia thành viên bảo đảm cho bất kỳ ai có quyền bị vi phạm đều có biện pháp khắc phục hữu hiệu, được xem xét bởi cơ quan có thẩm quyền. Điều 13 ECHR cũng ghi nhận quyền được hưởng một biện pháp khắc phục hiệu quả trước cơ quan quốc gia khi các quyền theo Công ước bị xâm phạm. Các quy định này cho thấy bảo vệ quyền con người không dừng ở việc tuyên bố quyền hay xử phạt vi phạm, mà còn bao gồm quyền của nạn nhân được yêu cầu chấm dứt vi phạm, cải chính, xin lỗi, gỡ bỏ nội dung, bồi thường thiệt hại và các hình thức phục hồi thích hợp khác. Trong báo chí số, nơi hậu quả thường lan rộng, kéo dài và khó đảo ngược, nguyên tắc này cần được quán triệt theo hướng phản ứng pháp lý phải nhanh, rõ và có khả năng phục hồi thực chất cho người bị xâm hại.

2.2.1.5. Nguyên tắc thích ứng với công nghệ và đổi mới pháp luật

Trong thời đại chuyển đổi số, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ truyền thông, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và các nền tảng kỹ thuật số đã làm thay đổi căn bản cách thức sản xuất, phân phối và tiếp nhận thông tin, đặt ra thách thức mới cho việc bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí, khi các khung pháp lý truyền thống không còn đủ sức bao quát các hình thức truyền thông mới. Do đó, nguyên tắc thích ứng với công nghệ và đổi mới pháp luật được đặt ra nhằm bảo đảm rằng quyền tự do ngôn luận, quyền riêng tư và quyền được thông tin luôn được bảo vệ hiệu quả trong thời kỳ chuyển đổi số đang biến động.

2.2.2. Nội dung quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số được quan tâm trong các văn kiện pháp lý quốc tế, khu vực và pháp luật của các quốc gia. Nhìn chung có thể chia nội dung này thành các nhóm quyền cơ bản của cá nhân như sau: 1) Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền được tiếp cận thông tin của cá nhân; 2) Quyền riêng tư, quyền nhân thân, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân; 3) Quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử, bảo vệ nhân phẩm và danh dự.

2.2.1.1. Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền được tiếp cận thông tin của cá nhân

Thứ nhất, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí là biểu hiện trực tiếp của quyền con người, đồng thời là nền tảng cho một xã hội. Báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số phải cân bằng giữa tự do biểu đạt và trách nhiệm xã hội, hạn chế việc phát tán thông tin sai lệch, thông tin gây thù ghét hoặc vi phạm quyền riêng tư. Việc đảm bảo quyền tự do báo chí đồng thời bảo vệ quyền con người góp phần hình thành môi trường truyền thông minh bạch, trách nhiệm và công bằng.

Thứ hai, quyền tiếp cận thông tin chính xác, kịp thời là một trong những quyền cơ bản của con người, gắn liền với quyền tự do ngôn luận và quyền tham gia đời sống chính trị - xã hội. Về bản chất, đây là quyền của cá nhân trong việc tìm kiếm, tiếp nhận và sử dụng các thông tin khách quan, trung thực và có giá trị công, đặc biệt là thông tin do các cơ quan nhà nước và phương tiện truyền thông cung cấp. Quyền này bao gồm hai nội dung cơ bản: tính chính xác và tính kịp thời của thông tin.

2.2.1.2. Quyền riêng tư, quyền nhân thân, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân

Quyền riêng tư, quyền nhân thân và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân là những quyền cơ bản của con người, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, ngày càng được chú trọng trong bối cảnh hoạt động báo chí bước vào thời kỳ chuyển đổi số. Theo đó quyền riêng tư thể hiện ở việc cá nhân có quyền được bảo vệ đời sống cá nhân, bí mật thư tín, hình ảnh, thông tin cá nhân khỏi sự thu thập, sử dụng hoặc công bố trái phép; quyền nhân thân khẳng định giá trị pháp lý

và đạo đức của mỗi con người, bao gồm danh dự, nhân phẩm, uy tín và hình ảnh cá nhân; quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân là sự cụ thể hóa quyền riêng tư trong thời kỳ chuyển đổi số, bảo đảm cho mỗi người quyền kiểm soát thông tin liên quan đến mình.

2.2.1.3. Quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử, bảo vệ nhân phẩm và danh dự

Thứ nhất, quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử là một trong những nguyên tắc nền tảng của hệ thống nhân quyền quốc tế, được khẳng định rõ trong Điều 1 và Điều 2 UHDR cũng như Điều 26 ICCPR. Trong hoạt động báo chí, nguyên tắc này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi truyền thông là kênh định hình nhận thức xã hội, tác động trực tiếp đến cách người dân nhìn nhận các nhóm người khác nhau.

Thứ hai, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm là một trong những giá trị cốt lõi của quyền con người, được thừa nhận rộng rãi trong hệ thống pháp luật quốc tế và quốc gia. Theo Điều 1 UHDR, “*mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền*”, cho thấy danh dự và nhân phẩm là nền tảng của mọi quyền con người khác. Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm là một nội dung trọng yếu của quyền con người trong hoạt động báo chí, thể hiện trách nhiệm của báo chí đối với cá nhân và xã hội.

2.2.3. Phương thức bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.2.3.1. Bảo vệ quyền con người thông qua quy định về chủ thể trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Thứ nhất, chủ thể quyền. Chủ thể của quyền con người là những cá nhân, tổ chức hoặc nhóm người có khả năng hưởng quyền và thực hiện quyền theo quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. Trong lĩnh vực báo chí, chủ thể này được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm người làm báo (các nhà báo, phóng viên, biên tập viên, cơ quan báo chí) và người được báo chí tác động đến, bao gồm độc giả, cá nhân, tổ chức xã hội và cả Nhà nước. Sự tương tác giữa hai nhóm chủ thể này hình thành nên mối quan hệ hai chiều: một bên là người thực hiện quyền tự do biểu đạt, bên còn lại là người hưởng quyền được thông tin và quyền được bảo vệ nhân phẩm.

Thứ hai, chủ thể chịu trách nhiệm thực hiện quyền/chủ thể nghĩa vụ. Đây là những chủ thể chịu trách nhiệm có vai trò then chốt, xác định đối tượng có nghĩa vụ bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Khác với chủ thể quyền tập trung vào cá nhân được thừa nhận và bảo vệ quyền, tầng này nhấn mạnh tới những cá nhân, tổ chức có nghĩa vụ pháp lý và trách nhiệm xã hội khi thực thi, quản lý và giám sát hoạt động báo chí.

2.2.3.2. Bảo vệ quyền con người thông qua cơ chế xử lý đối với hành vi vi phạm trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Thứ nhất, cơ chế xử lý bằng pháp luật hành chính là cơ chế được áp dụng phổ biến và thường xuyên nhất đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động báo chí. Cơ chế này nhằm bảo đảm kỷ cương pháp luật trong hoạt động báo chí, đồng thời ngăn ngừa và hạn chế các hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong môi trường truyền thông, đặc biệt là môi trường số.

Thứ hai, cơ chế trách nhiệm dân sự là một trong những cơ chế quan trọng nhằm xử lý các hành vi vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí, tập trung vào việc khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể bị xâm phạm.

Thứ ba, cơ chế xử lý hình sự được áp dụng trong trường hợp hành vi vi phạm quyền con người trong lĩnh vực báo chí đạt mức độ nguy hiểm cho xã hội, vượt quá giới hạn xử lý hành chính hoặc dân sự.

Thứ tư, cơ chế tự điều chỉnh và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp báo chí là một bộ phận quan trọng trong hệ thống bảo vệ quyền con người, mang tính phòng ngừa và định hướng hơn là trừng phạt. Khác với các cơ chế pháp lý mang tính cưỡng chế của Nhà nước, cơ chế này dựa trên ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và các quy tắc đạo đức do chính cộng đồng báo chí

xây dựng và tuân thủ, qua đó góp phần hạn chế nguy cơ xâm phạm quyền con người ngay từ khâu tác nghiệp.

2.3. Khuôn khổ pháp lý quốc tế và khu vực về bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.3.1. Cơ sở pháp lý quốc tế về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Quyền con người trong lĩnh vực báo chí được thừa nhận và bảo vệ bởi nhiều văn kiện pháp lý quốc tế mang tính nền tảng, có giá trị phổ quát và ràng buộc các quốc gia thành viên. Điều 19 của Tuyên ngôn Thế giới về quyền con người (UDHR) ghi nhận: *“Mọi người đều có quyền tự do quan điểm và biểu đạt; quyền này bao gồm quyền không bị can thiệp vào quan điểm của mình, và quyền tìm kiếm, tiếp nhận, truyền đạt thông tin, ý tưởng bằng bất kỳ phương tiện thông tin nào, không kể biên giới”*. Đây là văn kiện đầu tiên có tính toàn cầu khẳng định quyền tự do báo chí và tự do biểu đạt như một quyền cơ bản, gắn liền với các quyền khác như quyền được giáo dục (Điều 26), quyền tham gia vào đời sống chính trị và xã hội (Điều 21); Điều 19 ICCPR đã kế thừa và cụ thể hóa tinh thần của UDHR, tại khoản 2 khẳng định quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin, trong khi khoản 3 đặt ra giới hạn hợp pháp, bao gồm bảo vệ quyền và uy tín của người khác, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức xã hội. Nhiều văn kiện quốc tế khác cũng có liên quan trực tiếp đến báo chí và quyền con người. Công ước về quyền trẻ em năm 1989 (CRC); Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979 (CEDAW) cũng gián tiếp liên quan đến báo chí khi quy định về quyền của phụ nữ được tiếp cận thông tin bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trên các phương tiện truyền thông...

Trong lĩnh vực chuyên biệt, nhiều nghị quyết của Đại hội đồng LHQ và Hội đồng Nhân quyền đã khẳng định vai trò của báo chí trong bảo vệ quyền con người. Nghị quyết 59 của Đại hội đồng năm 1946 đã nêu rõ tự do thông tin là “viên đá tảng của mọi quyền tự do” và là điều kiện không thể thiếu cho sự tiến bộ của nhân loại. Nghị quyết 33/2 năm 2016 của Hội đồng Nhân quyền về “An toàn của nhà báo” yêu cầu các quốc gia bảo đảm môi trường pháp lý an toàn, điều tra và xử lý nghiêm các hành vi xâm hại nhà báo, coi đó là điều kiện để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân. UNESCO, trong nhiều báo cáo như “World Trends in Freedom of Expression and Media Development”, liên tục cảnh báo về các thách thức từ tin giả, thông tin sai lệch và việc lạm dụng dữ liệu cá nhân trên thời kỳ chuyển đổi số, đồng thời kêu gọi xây dựng khung pháp lý toàn diện để bảo đảm báo chí vừa tự do vừa có trách nhiệm.

2.3.2. Cơ sở pháp lý khu vực về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.3.2.1. Cơ sở pháp lý khu vực Châu Mỹ

Ở châu Mỹ, hệ thống pháp lý về quyền con người trong hoạt động báo chí được xác lập vững chắc trong Công ước châu Mỹ về Nhân quyền (American Convention on Human Rights – ACHR), năm 1969, đặc biệt là Điều 13 về quyền tự do tư tưởng và biểu đạt. Quy định này khẳng định mọi cá nhân đều có quyền tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin, ý tưởng dưới bất kỳ hình thức nào, đồng thời nghiêm cấm mọi hình thức kiểm duyệt trước. Trên cơ sở đó, Tòa án Nhân quyền liên Mỹ (Inter-American Court of Human Rights - IACtHR) đã phát triển một hệ thống án lệ quan trọng, trong đó khẳng định rằng báo chí đóng vai trò là “người canh giữ dân chủ” (guardian of democracy).

2.3.2.2. Cơ sở pháp lý khu vực Châu Phi

Ở châu Phi, nền tảng pháp lý bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí được xây dựng chủ yếu dựa trên Hiến chương châu Phi về Quyền con người và Quyền của các dân tộc (African Charter on Human and Peoples’ Rights - ACHPR, 1981) và Tuyên bố về Nguyên tắc Tự do ngôn luận và Tiếp cận thông tin ở châu Phi (Declaration of Principles on Freedom of Expression and Access to Information in Africa, 2019) do Ủy ban châu Phi về Quyền con

người và Quyền của các dân tộc (ACHPR Commission) ban hành.

2.2.3.3. Cơ sở pháp lý khu vực Châu Âu

Ở châu Âu, quyền con người trong hoạt động báo chí được bảo đảm thông qua một hệ thống pháp lý đa tầng và linh hoạt. Trên nền tảng của Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR) và Hiến chương quyền cơ bản của Liên minh châu Âu năm 2000, khu vực này đã thiết lập cơ chế bảo vệ toàn diện cho quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin và quyền bảo vệ đời tư, dữ liệu cá nhân. Các văn bản pháp lý chuyên biệt như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR, năm 2016), Đạo luật Dịch vụ số (DSA) và Đạo luật Tự do truyền thông châu Âu (EMFA) đã mở rộng phạm vi điều chỉnh, đặt ra các nguyên tắc về xử lý dữ liệu, trách nhiệm của nền tảng trực tuyến, cơ chế kiểm soát nội dung và bảo vệ nhà báo trước sự can thiệp chính trị. Qua đó, Liên minh châu Âu không chỉ bảo đảm tự do báo chí trong khuôn khổ pháp luật, mà còn xây dựng các công cụ pháp lý hiện đại nhằm bảo vệ danh dự, nhân phẩm và dữ liệu cá nhân trong thời kỳ chuyển đổi số.

2.2.3.4. Cơ sở pháp lý khu vực Đông Nam Á

Ở Đông Nam Á, việc bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí ở cấp độ khu vực chủ yếu được thể hiện thông qua các cơ chế pháp lý “mềm” mang tính khuyến nghị, thay vì các thiết chế cưỡng chế như ở châu Âu hay châu Mỹ. Tuyên bố Nhân quyền ASEAN (ASEAN Human Rights Declaration - AHRD, 2012) là văn kiện quan trọng nhất trong khu vực, trong đó Điều 23 khẳng định mọi người có quyền tự do ý kiến và biểu đạt, bao gồm quyền giữ quan điểm mà không bị can thiệp và quyền tìm kiếm, tiếp nhận, truyền đạt thông tin dưới mọi hình thức. Đồng Trên cơ sở đó, Ủy ban Liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR) được thành lập năm 2009 nhằm thúc đẩy đối thoại, tư vấn và hợp tác giữa các quốc gia thành viên trong lĩnh vực quyền con người, bao gồm quyền tự do ngôn luận và quyền tiếp cận thông tin.

2.3.3. Đánh giá quy định pháp lý quốc tế và khu vực về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.3.3.1. Những kết quả đạt được trong bảo vệ quyền con người

- Khuôn khổ pháp ký quốc tế và khu vực đã khẳng định các nguyên tắc nền tảng về quyền con người trong hoạt động báo chí;
- Khuôn khổ pháp ký quốc tế và khu vực đã mở rộng phạm vi bảo vệ quyền con người sang môi trường truyền thông số;
- Khuôn khổ pháp ký quốc tế và khu vực đã định hướng cân bằng giữa tự do báo chí và các lợi ích cần được bảo vệ.

2.3.3.2. Những hạn chế

- Những quy định trong các văn kiện pháp lý quốc tế và khu vực còn mang tính nguyên tắc, chưa theo kịp sự phát triển của công nghệ số;
- Cơ chế bảo đảm và thực thi quyền con người còn hạn chế. Trên thực tế, phần lớn các chuẩn mực quốc tế về quyền con người mang tính định hướng và khuyến nghị, trong khi cơ chế cưỡng chế và chế tài lại tương đối hạn chế;
- Sự thiếu thống nhất trong cách tiếp cận giữa các khu vực và quốc gia về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU

3.1. Khái quát về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số của Liên minh châu Âu

3.1.1. Quá trình hình thành quy chế pháp lý bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí của Liên minh châu Âu từ năm 1994 cho đến nay

3.1.1.1. Giai đoạn 1994 - 2000

Liên minh châu Âu (EU) được thành lập chính thức năm 1993 theo Hiệp ước Maastricht, đánh dấu bước ngoặt trong tiến trình hội nhập của châu Âu sau Thế chiến II. Điều F của Hiệp ước Maastricht, năm 1992 nêu rõ: *“Liên minh tôn trọng các quyền cơ bản như được bảo đảm trong Công ước châu Âu về nhân quyền (ECHR) và như phát sinh từ các truyền thống hiến pháp chung của các quốc gia thành viên”*. Điều này đặt nền móng cho việc bảo vệ quyền con người, bao gồm quyền liên quan đến tự do ngôn luận và báo chí. Hiệp ước này hợp nhất các cộng đồng kinh tế trước đó, thiết lập cá nhân EU, và xây dựng khung hợp tác về kinh tế, chính trị, an ninh và pháp lý. Giai đoạn 1994 - 2000 được xem là thời kỳ bản lề của châu Âu trong cả phương diện chính trị - pháp lý lẫn truyền thông - nhân quyền. Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, bức tường Berlin sụp đổ và Liên Xô tan rã, châu Âu bước vào thời kỳ tái thiết chính trị sâu rộng, với mục tiêu củng cố một không gian dân chủ - pháp quyền thống nhất. EU mở rộng về phía Đông, tiếp nhận nhiều quốc gia Trung và Đông Âu như Ba Lan, Hungary, Cộng hòa Séc, Slovakia..., kéo theo nhu cầu thống nhất về giá trị cốt lõi: tôn trọng nhân quyền, tự do ngôn luận và tự do báo chí.

3.1.1.2. Giai đoạn từ năm 2000 đến nay

Giai đoạn từ năm 2000 đến nay đánh dấu bước phát triển toàn diện của EU trong việc thiết lập khung pháp lý bảo vệ quyền con người gắn liền với hoạt động báo chí và truyền thông số. Năm 2000, EU thông qua Hiến chương về các quyền cơ bản (Charter of Fundamental Rights of the European Union), văn kiện mang tính định hướng giá trị nhân quyền, đến Hiệp ước Lisbon (2009) chính thức trao cho Hiến chương giá trị pháp lý ràng buộc. Bước ngoặt mang tính hệ thống là Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (General Data Protection Regulation - GDPR), ban hành năm 2016, có hiệu lực từ 2018). Song song với đó, EU ban hành và điều chỉnh một loạt cơ chế pháp lý hỗ trợ: Chỉ thị về Dịch vụ Truyền thông nghe nhìn (AVMSD, 2010, sửa đổi 2018); Chiến lược chống tin giả (2018) và Đạo luật Dịch vụ số (Digital Services Act - DSA, năm 2022), hướng tới kiểm soát nội dung trực tuyến, xử lý thông tin sai lệch, ngôn từ thù ghét, đồng thời vẫn bảo đảm quyền tự do biểu đạt và quyền tiếp cận thông tin; Đạo luật Tự do truyền thông châu Âu (European Media Freedom Act - EMFA) đặt ra khuôn khổ pháp lý bảo vệ tính độc lập của cơ quan báo chí và nhà báo...

3.1.2. Đặc điểm pháp luật Liên minh châu Âu về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Pháp luật EU về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí hình thành từ nền tảng là Hiến chương Quyền cơ bản của Liên minh châu Âu (Charter of Fundamental Rights of the EU), trong đó các điều 7, 8 và 11 lần lượt khẳng định quyền được tôn trọng đời sống riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin. Trong bối cảnh chuyển đổi số, EU đã phát triển hệ thống pháp lý mang tính đa tầng, ràng buộc cao và thích ứng công nghệ, nhằm bảo đảm các quyền này không chỉ được ghi nhận mà còn được thực thi thực tế trong không gian truyền thông số.

3.1.2.1. Đặc điểm về tính ràng buộc và hiệu lực trực tiếp của các quy định pháp lý của Liên minh châu Âu

Nguyên tắc này được hiểu là các quy định của pháp luật EU có thể được cá nhân hoặc tổ chức trong quốc gia thành viên viện dẫn trực tiếp trước Tòa án quốc gia, mà không cần thông qua quy trình nội luật hóa hay ban hành văn bản chuyển hóa vào hệ thống pháp luật trong nước. Pháp luật EU tạo ra quyền và nghĩa vụ pháp lý trực tiếp cho cá nhân, và Tòa án quốc gia có trách nhiệm công nhận, bảo vệ những quyền và nghĩa vụ đó mà không cần chờ sự can thiệp của cơ quan lập pháp quốc gia. Các quy định như Quy định bảo vệ dữ liệu chung (GDPR), Đạo luật Dịch vụ Kỹ thuật số (DSA) và Đạo luật Tự do Truyền thông châu Âu (EMFA) đều là văn bản quy phạm có hiệu lực trực tiếp, có hiệu lực bắt buộc và áp dụng trực tiếp tại tất cả các quốc gia thành viên mà không cần nội luật hóa. Điều này tạo nên tính thống nhất, tránh sự chậm trễ hoặc

sai lệch trong việc thực hiện, đồng thời tạo nên một chuẩn mực pháp lý đồng bộ trong bảo vệ quyền con người và tự do báo chí trên toàn EU.

3.1.2.2. Đặc điểm về mối quan hệ giữa pháp luật Liên minh châu Âu và pháp luật các quốc gia thành viên

Liên minh châu Âu là một thực thể chính trị - pháp lý đặc thù, hình thành trên cơ sở hợp tác giữa các quốc gia có chủ quyền, nhưng lại vận hành như một cộng đồng pháp lý thống nhất trong nhiều lĩnh vực. Từ khi Hiệp ước Rome năm 1957 ra đời, hệ thống pháp luật của EU đã không ngừng phát triển, tạo nên một trật tự pháp lý mới tồn tại song song với hệ thống pháp luật quốc gia của các nước thành viên. Một trong những đặc điểm nổi bật của hệ thống này là mối quan hệ đặc biệt giữa pháp luật EU và pháp luật quốc gia thành viên. Khác với các tổ chức quốc tế thông thường, pháp luật EU có khả năng tác động trực tiếp đến cá nhân và tổ chức trong phạm vi nội địa của từng quốc gia thành viên. Mối quan hệ này được hình thành và phát triển dựa trên một số nguyên tắc pháp lý nền tảng như: tính tối cao của pháp luật EU (supremacy of EU law), hiệu lực trực tiếp (direct effect), nguyên tắc trung thành (principle of sincere cooperation) và trách nhiệm quốc gia thành viên (state liability).

3.1.2.3. Đặc điểm về cơ chế bảo vệ và giám sát đa tầng của pháp luật Liên minh châu Âu về quyền con người trong hoạt động báo chí

Một trong những đặc điểm nổi bật của hệ thống pháp luật EU trong lĩnh vực quyền con người, đặc biệt liên quan đến hoạt động báo chí và tự do biểu đạt, là tính đa tầng (multi-level) của cơ chế bảo vệ và giám sát. Cấu trúc này phản ánh sự kết hợp chặt chẽ giữa ba tầng thể chế pháp lý - quốc gia, khu vực và liên minh nhằm đảm bảo việc thực thi quyền con người một cách toàn diện, hiệu quả và đồng bộ trong không gian truyền thông châu Âu.

3.2. Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu đối với bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

3.2.1. Nội dung quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số của Liên minh châu Âu

3.2.1.1. Nội dung về quyền riêng tư trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Ở châu Âu, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân được xem là một phần cốt lõi của quyền con người, đặc biệt trong bối cảnh hoạt động báo chí và truyền thông số phát triển mạnh. Trên nền tảng các chuẩn mực quốc tế như UDHR và Điều 17 ICCPR, Liên minh châu Âu đã phát triển khung pháp lý tiên tiến và có tính ràng buộc để bảo đảm quyền này. Trên thực tế, nhiều án lệ của Tòa án Nhân quyền châu Âu (EctHR) đã thiết lập nguyên tắc quyền tự do báo chí đặc biệt được bảo vệ khi đưa tin về vấn đề công ích, nhưng báo chí không được tùy tiện xâm phạm đời tư hoặc bịa đặt, vu khống. Theo quy định của Quy định 2016/679 về Bảo vệ dữ liệu chung (GDPR), cá nhân, với tư cách là chủ thể dữ liệu, được trao bốn nhóm quyền cốt lõi mới nhằm bảo đảm khả năng kiểm soát thông tin cá nhân của mình:

- Quyền được biết (right to be informed), cá nhân có quyền được thông báo rõ ràng, minh bạch về mục đích, phạm vi và cách thức xử lý dữ liệu cá nhân trước khi dữ liệu được thu thập hoặc sử dụng;

- Quyền truy cập (right of access), cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức xử lý dữ liệu (bao gồm cả cơ quan báo chí) cung cấp bản sao dữ liệu cá nhân mà họ nắm giữ, qua đó tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong việc quản lý thông tin cá nhân;

- Quyền được quên (right to be forgotten), cho phép cá nhân yêu cầu xóa bỏ dữ liệu cá nhân khi mục đích xử lý đã hoàn tất, hoặc khi dữ liệu được công bố gây tổn hại đến danh dự, đời tư, hay không còn phù hợp với lợi ích công;

- Quyền phản đối việc xử lý dữ liệu (right to object), cho phép cá nhân từ chối việc dữ liệu của mình bị sử dụng cho mục đích quảng cáo hoặc các mục đích không phù hợp với lợi ích hợp pháp của họ.

3.2.1.2. Nội dung quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử trong hoạt động báo chí thời

kỳ chuyển đổi số

Quyền bình đẳng là một trong những nguyên tắc cốt lõi trong hệ thống pháp luật EU, được khẳng định xuyên suốt trong nhiều văn kiện pháp lý khu vực. Hiệp ước Maastricht năm 1992 đã đặt nền tảng khẳng định EU dựa trên “các nguyên tắc tự do, dân chủ, tôn trọng nhân quyền và các quyền tự do cơ bản, cùng với nguyên tắc pháp quyền”. Hiến chương EU về các quyền cơ bản (2000/2009), Điều 20 quy định: “*Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật*”; Điều 21 cấm mọi hình thức phân biệt đối xử dựa trên giới tính, chủng tộc, màu da, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, đặc điểm di truyền, ngôn ngữ, tôn giáo hoặc tín ngưỡng, quan điểm chính trị hoặc ý kiến khác, tư cách thành viên nhóm thiểu số quốc gia, tài sản, nơi sinh, khuyết tật, tuổi tác hoặc xu hướng tính dục. Chỉ thị chống phân biệt đối xử trong việc làm (2000/78/EC) và Chỉ thị về bình đẳng chủng tộc (2000/43/EC) quy định cụ thể các biện pháp bảo vệ chống phân biệt đối xử trong việc làm, giáo dục, dịch vụ và truyền thông; Nghị quyết của Nghị viện châu Âu (2013/2089(INI)) cũng yêu cầu các phương tiện truyền thông trực tuyến và truyền thống chủ động ngăn ngừa, gỡ bỏ nội dung thù ghét hoặc kỳ thị. Những nội hàm cốt lõi của quyền bình đẳng trong pháp luật EU như sau:

- Bình đẳng về pháp lý, mọi cá nhân và tổ chức đều được đối xử bình đẳng trước pháp luật, không ai bị phân biệt hay chịu bất lợi do đặc điểm cá nhân hoặc địa vị xã hội;
- Bình đẳng về cơ hội, mọi người đều có quyền tiếp cận công bằng với các dịch vụ, trong đó bao gồm cả lĩnh vực truyền thông và báo chí;
- Bình đẳng trong tiếp cận thông tin và tham gia đời sống công;
- Ngăn ngừa ngôn từ thù ghét và định kiến.

3.2.1.3. Nội dung quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí của con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Điều 11 Hiến chương EU về các quyền cơ bản khẳng định: “Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm quyền tự do giữ quan điểm và nhận, truyền đạt thông tin, tư tưởng mà không bị cơ quan công quyền can thiệp và không kể biên giới”. Quy định này bổ sung và cụ thể hóa Điều 10 Công ước ECHR (1950) - một trong những nền tảng pháp lý quan trọng nhất cho tự do báo chí tại châu Âu. EU ban hành thêm Đạo luật Dịch vụ số (Digital Services Act - DSA, 2022), quy định trách nhiệm của các nền tảng trực tuyến trong việc kiểm soát nội dung bất hợp pháp, ngôn từ thù ghét, tin giả. DSA là bước tiến mới trong việc mở rộng bảo vệ quyền con người khỏi những nguy cơ do truyền thông số gây ra.

3.2.2. Cơ chế thực thi bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số của Liên minh châu Âu

3.2.2.1. Chủ thể bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số của Liên minh châu Âu

Trong bối cảnh chuyển đổi số, EU đã thiết lập một hệ thống cơ chế pháp lý và thể chế nhằm bảo đảm các quyền con người cơ bản, đặc biệt là quyền tự do biểu đạt, quyền được thông tin và quyền bảo vệ đời tư của nhà báo. Các cơ chế này được thực thi thông qua sự phối hợp giữa nhiều thiết chế giám sát và điều phối chuyên biệt.

Thứ nhất, Cơ quan Giám sát Bảo vệ Dữ liệu châu Âu (European Data Protection Supervisor - EDPS). Cơ quan Giám sát Bảo vệ Dữ liệu châu Âu - EDPS là cơ quan độc lập chịu trách nhiệm bảo đảm việc tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong toàn bộ hệ thống các cơ quan và thể chế EU.

Thứ hai, hệ thống các Hội đồng Báo chí quốc gia (National Press Councils). Tại các quốc gia thành viên, các Hội đồng Báo chí (Press Councils) là cơ chế tự điều chỉnh (self-regulation mechanism) quan trọng nhằm duy trì chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, bảo vệ quyền tự do báo chí và xử lý khiếu nại liên quan đến nội dung trong hoạt động báo chí. Các Hội đồng này thường bao gồm đại diện của giới báo chí, cá nhân và các chuyên gia pháp lý, hoạt động độc lập với nhà nước.

Thứ ba, Cơ chế kiểm soát nội dung số và xử lý tin giả (Disinformation Control Mechanisms). Liên minh châu Âu cũng thiết lập một chuỗi cơ chế pháp lý và kỹ thuật nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý thông tin sai lệch (disinformation) mà vẫn tôn trọng quyền tự do biểu đạt.

Thứ tư, hệ thống các Tòa án. Đây là một trong những chủ thể bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí của Liên minh châu Âu thời kỳ chuyển đổi số. Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí không chỉ là vấn đề lập pháp hay quản lý hành chính, mà trước hết và trên hết là vấn đề bảo vệ tư pháp, trong đó hệ thống Tòa án giữ vai trò trung tâm.

3.2.2.2. Cơ chế xử lý vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí của Liên minh châu Âu thời kỳ chuyển đổi số

Thứ nhất, các cấp độ xử lý vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí của Liên minh châu Âu thời kỳ chuyển đổi số

Một là, cơ chế xử lý vi phạm ở cấp quốc gia. Cơ chế xử lý vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí tại các quốc gia thành viên EU được thiết kế theo mô hình đa tầng và tích hợp, bảo đảm vừa duy trì tự do báo chí, vừa bảo vệ các quyền nhân thân, quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân trong bối cảnh truyền thông số.

Hai là, cơ chế xử lý vi phạm ở cấp độ liên minh. Ở cấp độ Liên minh, Ủy ban châu Âu (European Commission) giữ vai trò trung tâm trong việc giám sát và bảo đảm các quốc gia thành viên tuân thủ đầy đủ pháp luật EU, đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người và tự do báo chí. Theo Điều 258 của Hiệp ước về Hoạt động của Liên minh châu Âu (Treaty on the Functioning of the European Union), Ủy ban có quyền khởi động thủ tục vi phạm (infringement procedure) khi phát hiện một quốc gia không thực hiện đúng hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ phát sinh từ luật EU.

Thứ hai, hình thức xử lý đối với vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Hệ thống pháp luật EU thiết lập một khung chế tài đa tầng, kết hợp giữa chế tài hành chính, tài chính, dân sự, tư pháp và chính trị, tùy thuộc vào tính chất và mức độ vi phạm. Mục tiêu của cơ chế này không chỉ nhằm xử lý hành vi vi phạm, mà còn để ngăn ngừa, răn đe và khôi phục quyền lợi của cá nhân bị xâm hại trong lĩnh vực báo chí - truyền thông, nhất là trong thời kỳ chuyển đổi số, gồm: chế tài hành chính và tài chính; chế tài dân sự và bồi thường cá nhân; chế tài tư pháp và hình sự, chế tài chính trị và tài trợ.

3.3. Nghiên cứu điển hình quy định của một số quốc gia thuộc Liên minh châu Âu trong bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số

Trong nghiên cứu điển hình quy định của một số quốc gia thuộc EU, Nghiên cứu sinh lựa chọn Cộng hòa Séc và Cộng hòa Pháp để phân tích quy định bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Điều này xuất phát từ sự khác biệt về bối cảnh lịch sử - pháp lý nhưng lại có giá trị bổ sung cho nhau trong khuôn khổ Liên minh châu Âu. Hai quốc gia này đại diện cho hai mô hình tiếp cận khác nhau đối với vấn đề tự do báo chí và bảo vệ quyền con người trong môi trường truyền thông số.

3.3.1. Cộng hòa Séc

Cộng hòa Séc gia nhập Liên minh châu Âu năm 2004, do đó phải nội luật hóa và triển khai toàn diện các chuẩn mực pháp lý của EU về nhân quyền và báo chí. Cơ sở pháp lý quốc gia gồm: Hiến pháp Cộng hòa Séc năm 1993 và Hiến chương các quyền và tự do cơ bản (Charter of Fundamental Rights and Freedoms), quy định quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin, đồng thời bảo vệ danh dự, nhân phẩm và đời tư của cá nhân. Luật Báo chí (Press Law) năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2010, quy định trách nhiệm của cơ quan báo chí trong việc bảo đảm tính chính xác, quyền đính chính và quyền phản hồi của cá nhân bị đưa tin. Sau khi EU ban hành GDPR năm 2016, Cộng hòa Séc đã thông qua Đạo luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, năm 2019 để nội luật hóa các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động báo chí và truyền thông.

3.3.2. Cộng hòa Pháp

Luật Tự do Báo chí (Law on the Freedom of the Press) năm 1881 là nền tảng pháp lý cổ điển và quan trọng nhất trong hệ thống pháp luật Pháp về bảo vệ quyền tự do báo chí và quyền tự do biểu đạt. Được ban hành trong bối cảnh sau Cách mạng Pháp, đạo luật này phản ánh tư tưởng của Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1789, đặc biệt là Điều 11, trong đó khẳng định: “Tự do truyền đạt tư tưởng và ý kiến là một trong những quyền quý giá nhất của con người”. Với tinh thần đó, Luật năm 1881 thiết lập cơ chế bảo đảm tự do xuất bản và giới hạn hợp pháp đối với hành vi lạm dụng quyền này, trở thành chuẩn mực tham chiếu cho mọi hoạt động báo chí tại Pháp. Đặc biệt, dù ra đời trước thời đại Internet, án lệ của các Tòa án Pháp đã mở rộng phạm vi áp dụng Luật 1881 cho báo điện tử, nền tảng mạng xã hội và xuất bản trực tuyến. Khi một cá nhân đăng tải thông tin có tính chất phỉ báng hoặc kích động hận thù trên Internet, Tòa án vẫn có thể viện dẫn Luật 1881 như căn cứ pháp lý xử lý hành vi “xuất bản công khai” (publication publique). Điều này thể hiện sự thích ứng linh hoạt của pháp luật truyền thống với chuyển đổi số, đảm bảo nguyên tắc pháp quyền được duy trì cả trong không gian mạng.

3.3.4. Ý nghĩa nghiên cứu đối với báo chí Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi số

3.3.4.1. Về phương diện lý luận khoa học

Nghiên cứu bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số của EU và một số quốc gia điển hình (Cộng hòa Séc và Pháp) mang ý nghĩa lý luận sâu sắc, góp phần bổ sung và phát triển cơ sở khoa học về quyền con người ở Việt Nam, thể hiện ở nhiều khía cạnh như sau:

- Nghiên cứu góp phần làm rõ sự mở rộng và biến đổi nội hàm quyền con người trong lĩnh vực báo chí dưới tác động của chuyển đổi số.
- Nghiên cứu làm sâu sắc lý luận về mối quan hệ và sự xung đột giữa quyền tự do báo chí và các quyền con người khác, đặc biệt là quyền riêng tư.
- Nghiên cứu góp phần phát triển lý luận về mô hình bảo vệ quyền con người đa chủ thể trong hoạt động báo chí số.
- Nghiên cứu làm rõ lý luận về bảo vệ quyền con người gắn với bảo vệ lợi ích công cộng và nền dân chủ trong môi trường báo chí số.
- Nghiên cứu cung cấp cơ sở lý luận so sánh quan trọng cho khoa học pháp lý Việt Nam. Trên cơ sở đó, nghiên cứu góp phần làm phong phú lý luận về tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam.

3.3.4.2. Về phương diện xây dựng và hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Nghiên cứu kinh nghiệm của Liên minh châu Âu, và hai quốc gia điển hình (Cộng hòa Pháp và Cộng hòa Séc) về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số cung cấp những luận cứ quan trọng cho quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Trên phương diện lập pháp, có thể rút ra một số kinh nghiệm cốt lõi sau:

- Kinh nghiệm về xây dựng chính sách pháp luật dựa trên nguyên tắc cân bằng quyền. Pháp luật EU, Pháp và Séc đều tiếp cận bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí trên cơ sở cân bằng giữa quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí với các quyền nhân thân như quyền riêng tư, danh dự và bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- Kinh nghiệm về xây dựng khung pháp luật chuyên biệt cho hoạt động báo chí trong môi trường chuyển đổi số. Từ thực tiễn EU và các quốc gia thành viên không chỉ dựa vào các đạo luật báo chí truyền thống, mà còn ban hành các văn bản pháp luật mới để điều chỉnh những vấn đề phát sinh từ chuyển đổi số, như bảo vệ dữ liệu cá nhân, trách nhiệm của nền tảng số và kiểm soát rủi ro lan truyền thông tin sai lệch.
- Kinh nghiệm về tăng cường thiết chế bảo vệ quyền con người thông qua cơ quan độc lập. Điểm nổi bật trong kinh nghiệm của EU, Pháp và Séc là việc trao vai trò quan trọng cho các cơ quan giám sát độc lập, đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong

hoạt động báo chí số. Các cơ quan này có thẩm quyền thanh tra, xử lý vi phạm và hướng dẫn áp dụng pháp luật, góp phần bảo đảm tính khách quan và hạn chế sự can thiệp hành chính trực tiếp vào hoạt động báo chí. Đây là kinh nghiệm lập pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong môi trường truyền thông số.

- Kinh nghiệm về kết hợp pháp luật và “pháp luật mềm” trong điều chỉnh báo chí số. Pháp luật EU và các quốc gia như Pháp, Séc không chỉ dựa vào các quy định mang tính cưỡng chế, mà còn thừa nhận vai trò của các bộ quy tắc đạo đức nghề báo, cơ chế tự điều chỉnh và đồng điều chỉnh.

- Kinh nghiệm về tiếp cận lập pháp dựa trên quản lý rủi ro thay vì kiểm duyệt nội dung. Pháp luật của EU và các quốc gia thành viên không hình sự hóa hay kiểm duyệt trực tiếp nội dung báo chí dưới danh nghĩa chống tin giả, mà tập trung vào việc yêu cầu các chủ thể liên quan đánh giá, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro hệ thống trong môi trường số. Cách tiếp cận này góp phần bảo vệ quyền tiếp cận thông tin của công chúng, đồng thời tránh nguy cơ xâm phạm tự do báo chí.

3.3.4.3. Về phương diện hội nhập quốc tế trong bảo vệ quyền con người

- Nghiên cứu giúp Việt Nam thực hiện hiệu quả các cam kết nhân quyền quốc tế. Việt Nam là thành viên của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1982) và nhiều công ước nhân quyền khác, đồng thời đã trúng cử Hội đồng Nhân quyền LHQ nhiệm kỳ 2023-2025.

- Nghiên cứu tạo điều kiện cho Việt Nam học hỏi và vận dụng kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt từ EU, bởi đây được coi là khu vực đi đầu trong việc xây dựng khung pháp lý về nhân quyền và truyền thông số.

- Nghiên cứu góp phần đáp ứng yêu cầu của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) và Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), các điều khoản về lao động, môi trường và nhân quyền được đề cập gián tiếp hoặc trực tiếp.

- Nghiên cứu góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế quốc tế của Việt Nam. Trong bối cảnh thông tin toàn cầu hóa, việc một quốc gia có hệ thống pháp luật báo chí minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người sẽ là minh chứng rõ nét cho cam kết xây dựng một xã hội, nhân văn.

CHƯƠNG 4

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM - KINH NGHIỆM TỪ LIÊN MINH CHÂU ÂU

4.1. Thực trạng bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam

4.1.1. Thực trạng bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam thông qua quy định về nội dung quyền

4.1.1.1. Quyền tiếp cận thông tin và tính chính xác của thông tin trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Quyền tiếp cận thông tin được Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam ghi nhận tại Điều 25 và được cụ thể hóa trong Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, khẳng định cá nhân có quyền được tiếp cận những thông tin do cơ quan nhà nước nắm giữ, đồng thời có quyền được hưởng lợi từ một hệ thống báo chí trung thực, chính xác và khách quan. Theo khoản 3 Điều 2 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 thì tiếp cận thông tin được hiểu là “việc đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp thông tin”. Trong môi trường báo chí thời kỳ chuyển đổi số, quyền tiếp cận thông tin gắn chặt với yêu cầu bảo đảm tính chính xác, bởi chỉ khi thông tin được cung cấp đầy đủ, minh bạch và đúng sự thật thì cá nhân mới có thể thực hiện các quyền khác như quyền tham gia chính trị, quyền giám sát xã hội, hay quyền hưởng an sinh một cách hiệu quả.

4.1.1.2. *Quyền riêng tư và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động báo chí*

Quyền được bảo đảm đời sống riêng tư và dữ liệu cá nhân là một trong những quyền nhân thân cơ bản, đã được Hiến pháp năm 2013 quy định tại Điều 21, khẳng định “mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình”. Bộ luật Dân sự năm 2015 tiếp tục cụ thể hóa quyền này bằng việc trao cho cá nhân quyền yêu cầu bồi thường, xin lỗi, cải chính khi bị xâm phạm. Đặc biệt, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc thiết lập một khung pháp lý tương đối toàn diện cho Việt Nam, thể hiện xu hướng tiệm cận với chuẩn mực quốc tế như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) của EU. Luật Dữ liệu cá nhân năm 2025 đã quy định tại Điều 2 “*Dữ liệu cá nhân là dữ liệu số hoặc thông tin dưới dạng khác xác định hoặc giúp xác định một con người cụ thể, bao gồm: dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Dữ liệu cá nhân sau khi xử lý nhận dạng không còn là dữ liệu cá nhân*”.

4.1.1.3. *Quyền nhân thân trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số*

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, quyền nhân thân được xác định là một trong những quyền cơ bản của con người, gắn liền với danh dự, nhân phẩm, uy tín, đời sống riêng tư và bí mật cá nhân, được quy định chủ yếu tại Điều 34, 38 và 39 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó cá nhân có quyền được tôn trọng và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín; việc thu thập, lưu giữ, công bố thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được sự đồng ý của người đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Sự ra đời của các quy phạm pháp luật mới như Luật Dữ liệu cá nhân năm 2025, Luật An ninh mạng năm 2025 và Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã mở rộng phạm vi bảo vệ quyền nhân thân trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

4.1.1.4. *Quyền bình đẳng và chống phân biệt đối xử trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số*

Bên cạnh quyền nhân thân, quyền bình đẳng và chống phân biệt đối xử là nội dung cốt lõi trong bảo đảm quyền con người được pháp luật Việt Nam ghi nhận tại Điều 16 Hiến pháp năm 2013, theo đó: “*Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không ai bị phân biệt đối xử vì lý do giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, địa vị, hoàn cảnh kinh tế.*”. Nguyên tắc này cũng được thể hiện trong nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành, như Luật Bình đẳng giới năm 2006, Luật Người khuyết tật năm 2010, và Luật Báo chí năm 2016... Tại khoản 2 Điều 9 Luật Báo chí năm 2016 quy định: nghiêm cấm hành vi “*kích động bạo lực, kỳ thị, phân biệt đối xử dân tộc, giới tính, tôn giáo*”.

4.1.1.5. *Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm và uy tín cá nhân trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số*

Danh dự, nhân phẩm và uy tín là những giá trị nhân thân thiêng liêng của con người, được pháp luật Việt Nam ghi nhận là bất khả xâm phạm và được bảo vệ bằng nhiều thiết chế pháp lý khác nhau như Hiến pháp năm 2013 (tại Điều 20, 21); Điều 34 Bộ luật Dân sự năm 2015 nêu rõ: “*Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ*”, nói cách khác cá nhân có quyền yêu cầu cải chính, xin lỗi công khai và bồi thường thiệt hại nếu bị thông tin sai sự thật gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm hoặc uy tín của mình. Bên cạnh đó, Điều 37 và Điều 38 Bộ luật Dân sự 2015 quy định quyền được bảo vệ về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và thông tin cá nhân, cấm việc thu thập, công bố hoặc sử dụng thông tin liên quan đến đời sống riêng tư mà không có sự đồng ý của chủ thể. Trong hoạt động báo chí, các nguyên tắc bảo vệ danh dự, nhân phẩm và uy tín được thể chế hóa tại Luật Báo chí năm 2016, Nghị định số 119/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản còn quy định mức phạt tiền từ 50.000.000 đến 70.000.000 đồng, kèm biện pháp khắc phục là buộc gỡ bỏ, cải chính và xin lỗi công khai đối với hành vi đăng tin sai sự thật gây hậu quả nghiêm trọng.

4.1.1.6. *Quyền tự do ngôn luận và quyền tự do báo chí thời kỳ chuyển đổi số*

Pháp luật Việt Nam thừa nhận quyền tự do ngôn luận và quyền tự do báo chí là hai trong

những quyền cơ bản của cá nhân, được ghi nhận tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013 và cụ thể hóa trong Luật Báo chí năm 2016.

4.1.2. Thực trạng chủ thể bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam

Trong thời kỳ chuyển đổi số, Việt Nam đã từng bước xác lập các chủ thể tham gia bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí. Những chủ thể này đã được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật, cũng như nội dung về thẩm quyền, trách nhiệm của họ.

4.1.2.1. Các cơ quan Nhà nước - chủ thể bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí

Đây là những cơ quan có thẩm quyền trong quản lý Nhà nước với các hoạt động báo chí. Theo đó, tại Điều 7 Luật Báo chí năm 2016 quy định: Cơ quan quản lý nhà nước về báo chí bao gồm Chính phủ - với thẩm quyền thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động báo chí; Bộ Thông tin và Truyền thông - là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động báo chí; Các bộ, cơ quan ngang bộ khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động báo chí; còn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động báo chí tại địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

4.1.2.2. Cơ quan báo chí và nhà báo

Thứ nhất, cơ quan báo chí được pháp luật xác định là chủ thể trực tiếp có trách nhiệm bảo vệ quyền con người trong quá trình sản xuất và phổ biến thông tin. Luật Báo chí năm 2016 quy định cơ quan báo chí phải bảo đảm tính chính xác của thông tin, thực hiện quyền cải chính, xin lỗi khi đăng tải thông tin sai sự thật, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin do mình công bố (Điều 13, Điều 42).

Thứ hai, nhà báo - là chủ thể tác nghiệp trực tiếp, vừa là người thực hiện quyền tự do báo chí, vừa có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Luật Báo chí năm 2016 quy định nhà báo phải tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, không được lợi dụng hoạt động báo chí để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (Điều 25).

4.1.2.3. Cá nhân

Pháp luật Việt Nam quy định cá nhân vừa là chủ thể thụ hưởng quyền con người, vừa là chủ thể tham gia bảo vệ quyền thông qua các cơ chế pháp lý trong hoạt động báo chí.

4.1.2.4. Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp

Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đặc biệt là Hội Nhà báo Việt Nam, giữ vai trò xây dựng và giám sát đạo đức nghề nghiệp. Trong hệ thống báo chí Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam giữ vai trò nòng cốt trong việc xây dựng, duy trì và phát triển nền báo chí nhân văn, chuyên nghiệp, hiện đại, qua đó trực tiếp góp phần bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong lĩnh vực thông tin, truyền thông.

4.1.3. Thực trạng cơ chế xử lý đối với hành vi vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Để đánh giá hiệu lực, hiệu quả cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, cần phân tích một cách chi tiết việc thực thi pháp luật ở ba lĩnh vực: dân sự, hành chính và hình sự. Mỗi lĩnh vực phản ánh một khía cạnh của hệ thống bảo vệ quyền, từ cơ chế khắc phục hậu quả, răn đe vi phạm, cho tới xử lý trách nhiệm hình sự trong những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng.

Thứ nhất, cơ chế xử lý hành chính được áp dụng phổ biến đối với các hành vi vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí.

Thứ hai, cơ chế xử lý dân sự. Đây là công cụ pháp lý quan trọng nhằm khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân khi bị xâm phạm bởi thông tin báo chí.

Thứ ba, cơ chế xử lý hình sự. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025) có những tội danh có thể áp dụng đối với các hành vi báo chí gây thiệt hại nghiêm trọng cho quyền con người, như “Tội vu khống” (Điều 156), “Tội làm nhục người khác” (Điều 155).

Thứ tư, cơ chế tự điều chỉnh và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp báo chí - là bộ phận quan trọng trong hệ thống bảo vệ quyền con người, mang tính phòng ngừa và định hướng hơn là trừng phạt.

4.1.3. Những vấn đề đặt ra đối với bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam

4.1.3.1. Những tồn tại trong bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam

Thứ nhất, hạn chế đối với bảo vệ quyền cụ thể trong hoạt động báo chí, như: hoạt động báo chí số vẫn còn tồn tại không ít vi phạm liên quan đến quyền nhân thân, quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân; quyền được tiếp cận thông tin chính xác chưa được bảo đảm, nhiều thông tin được lan truyền là tin giả trong không gian mạng; các vụ việc xâm phạm quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm và uy tín cá nhân vẫn xuất hiện với tần suất khá lớn, cho thấy khoảng cách giữa quy định pháp luật và hành vi nghề nghiệp; việc bảo đảm và thực thi quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí vẫn đối diện nhiều ràng buộc pháp lý, thể chế và kỹ thuật trong thời kỳ chuyển đổi số.

Thứ hai, cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí còn rời rạc, thiếu tính hệ thống, như biện pháp của Hội Nhà báo Việt Nam vẫn mang tính đạo đức - kỷ luật nội bộ, chưa đủ sức răn đe so với các thiệt hại thực tế về quyền con người mà vi phạm gây ra; cơ chế xử lý vi phạm đối với quyền con người trong hoạt động báo chí chưa thực sự hiệu quả, khả năng tiếp cận công lý của người dân vẫn còn nhiều hạn chế; cơ chế thông qua cơ quan quản lý nhà nước còn rườm rà, chậm chạp; cơ chế khởi kiện ra Tòa án còn kéo dài, thủ tục phức tạp.

Thứ ba, cơ chế tự quản ở Việt Nam còn nhiều hạn chế: 1) các quy định đạo đức nghề nghiệp chưa có giá trị pháp lý ràng buộc, nên hiệu quả phụ thuộc vào thiện chí của từng tòa soạn; 2) không phải tất cả các báo đều có bộ phận tiếp nhận phản hồi, khiến cá nhân bị xâm phạm quyền lợi không biết dựa vào đâu để yêu cầu cải chính; 3) sự phối hợp giữa Hội Nhà báo và các cơ quan quản lý nhà nước còn mờ nhạt, dẫn đến tình trạng nhiều vi phạm chỉ bị xử lý hành chính mà không gắn liền với trách nhiệm nghề nghiệp.

4.1.3.2. Nguyên nhân của những tồn tại

Nguyên nhân của những tồn tại như: nhận thức về quyền con người của chủ thể nghĩa vụ (chủ thể quản lý hoạt động báo chí) và chủ thể quyền (đối ngũ nhà báo, cá nhân nói chung) vẫn còn nhiều hạn chế; vẫn còn những khoảng trống pháp luật, chồng chéo thẩm quyền, năng lực tòa soạn và nhận thức nghề nghiệp; năng lực tổ chức thực hiện chính sách và pháp luật về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số của đối ngũ cán bộ quản lý báo chí nói riêng và cán bộ, công chức, viên chức, thực thi pháp luật nói và quyền con người nói chung còn chưa đáp ứng với yêu cầu của bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra nhanh chóng và đầy thách thức; cơ chế giám sát thực thi chính sách, pháp luật về quyền con người trong hoạt động báo chí gắn với bối cảnh chuyển đổi số còn chưa đáp ứng và phù hợp với yêu cầu trong bối cảnh mới đầy mạnh mẽ hội nhập quốc tế...

4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay từ kinh nghiệm Liên minh Châu Âu

4.2.1. Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số phải được xây dựng trên tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, lập trường, chính sách của Đảng, pháp luật quốc tế và trong nước về quyền con người

4.2.2. Nâng cao năng lực và nhận thức của chủ thể chịu trách nhiệm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay, việc nâng cao năng lực và nhận thức của chủ thể quản lý hoạt động báo chí trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm bảo vệ quyền con người một cách hiệu quả. Trước hết, chuyển đổi số đang làm thay đổi sâu sắc môi trường truyền thông, từ mô hình báo chí truyền thống sang nền tảng số, nơi thông tin lan truyền nhanh, khó kiểm soát và dễ bị thao túng. Các chủ thể đó bao gồm cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, tổ chức nghề

nghiệp báo chí, cơ quan báo chí, đội ngũ người làm báo và các chủ thể tham gia sản xuất, phân phối nội dung báo chí trên nền tảng số.

4.2.3. Hoàn thiện pháp luật về hoạt động báo chí và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động báo chí

Trong thực tiễn, vẫn còn tình trạng một số cơ quan báo chí công bố quá mức thông tin cá nhân trong các vụ án, tai nạn hoặc sự kiện xã hội mà chưa có sự đồng ý của người liên quan, gây tổn hại đến danh dự và nhân phẩm. Do vậy, việc sửa đổi Luật Báo chí cần hướng tới việc bổ sung nguyên tắc bảo vệ dữ liệu và thông tin cá nhân trong tác nghiệp báo chí, đồng thời thiết lập các chế tài nghiêm khắc đối với hành vi xâm phạm. Cần ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết về trách nhiệm pháp lý của các nền tảng trực tuyến xuyên biên giới trong việc lan truyền thông tin sai lệch, tin giả hoặc nội dung xâm phạm quyền cá nhân đối với các văn bản pháp luật mới như Luật Dữ liệu cá nhân năm 2025, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025. Kinh nghiệm từ Đạo luật Dịch vụ Số (Digital Services Act) của Liên minh châu Âu cho thấy việc quy định nghĩa vụ minh bạch, cơ chế gỡ bỏ nội dung vi phạm và chế tài mạnh mẽ đối với doanh nghiệp công nghệ là biện pháp hiệu quả để bảo vệ quyền con người trong không gian mạng.

4.2.4. Thiết lập cơ chế phản hồi, cải chính và bồi thường hiệu quả để bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí

Một trong những điều kiện quan trọng để bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí là thiết lập cơ chế phản hồi, cải chính và bồi thường thiệt hại hiệu quả khi có thông tin sai sự thật hoặc nội dung xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân được công bố. Đây là khâu then chốt thể hiện tính trách nhiệm, minh bạch và nhân văn của nền báo chí trong xã hội pháp quyền. Tại Việt Nam, mặc dù Luật Báo chí năm 2016 và Bộ luật Dân sự năm 2015 đã ghi nhận quyền của cá nhân được yêu cầu cải chính, xin lỗi công khai và bồi thường thiệt hại khi bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, song hiệu quả thực thi vẫn còn hạn chế.

4.2.5. Nâng cao năng lực thực thi luật, chính sách nói chung và năng lực số nói riêng của đội ngũ nhà báo, cải thiện kinh tế báo chí gắn với bảo vệ quyền con người

Đội ngũ nhà báo giữ vai trò trung tâm trong việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, bởi họ là chủ thể trực tiếp sáng tạo, xử lý và truyền tải thông tin đến công chúng. Trong bối cảnh chuyển đổi số, nếu thiếu bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp vững vàng và năng lực số toàn diện, nhà báo rất dễ bị chi phối bởi các yếu tố thương mại, áp lực lượt xem, hay những cám dỗ của “tin nhanh” mà bỏ qua yêu cầu về tính chính xác, khách quan và nhân văn.

4.2.6. Xây dựng Hội đồng Báo chí độc lập nhằm tăng cường bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí

Trước yêu cầu bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí và phù hợp với xu thế quản trị truyền thông hiện đại, Việt Nam cần nghiên cứu thiết lập một Hội đồng Báo chí độc lập (Independent Press Council), được trao thẩm quyền khuyến nghị, yêu cầu báo chí cải chính, đăng xin lỗi công khai, hoặc đưa ra cảnh báo đạo đức truyền thông, mà không cần qua thủ tục tố tụng tư pháp kéo dài. Điều này giúp người dân có một kênh khiếu nại độc lập, nhanh chóng, ít tốn kém, đồng thời góp phần giảm tải cho cơ quan quản lý nhà nước và hệ thống tòa án. Đồng thời, Nhà nước cần quy định rõ trách nhiệm pháp lý của cơ quan báo chí khi không thực hiện yêu cầu cải chính hoặc xin lỗi, qua đó tăng tính ràng buộc và củng cố niềm tin xã hội vào báo chí chính thống.

4.2.7. Thiết lập cơ chế giám sát độc lập, minh bạch và trách nhiệm giải trình đối với các hoạt động báo chí liên quan đến quyền con người

tham khảo thành lập Hội đồng truyền thông quốc gia hoạt động độc lập tương đối, có sự tham gia của đại diện cơ quan nhà nước, hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, giới học giả và cả đại diện người dân. Hội đồng này có chức năng tiếp nhận và xử lý khiếu nại của cá nhân liên quan đến thông tin báo chí, đưa ra khuyến nghị hoặc quyết định mang tính ràng buộc về cải chính, xin lỗi và bồi thường. Các cơ quan báo chí phải công khai cơ chế nội bộ về kiểm chứng thông tin,

quy trình xử lý sai sót và hình thức bồi thường, xin lỗi công khai khi có vi phạm; cơ chế giám sát độc lập phải song hành với việc phát huy vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp như Hội Nhà báo Việt Nam và sự giám sát và trách nhiệm giải trình cần được nâng cao bằng công nghệ số.

4.2.8. Giải pháp hội nhập và hợp tác quốc tế trong bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Liên minh châu Âu là một trong những khu vực đi đầu trong việc xây dựng khung pháp lý toàn diện cho báo chí và truyền thông số, với các đạo luật mang tính tiên phong như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR), Đạo luật Dịch vụ số (DSA) và Đạo luật Tự do truyền thông châu Âu (EMFA). Đồng thời, nhiều tổ chức quốc tế như LHQ, UNESCO, Hội đồng châu Âu đã liên tục thúc đẩy các nguyên tắc về tự do báo chí gắn liền với bảo vệ nhân quyền. Đây là những nguồn kinh nghiệm quý báu để Việt Nam tham khảo trong quá trình hoàn thiện chính sách và pháp luật. Những giải pháp này, nếu được triển khai đồng bộ và có lộ trình rõ ràng, sẽ góp phần không chỉ nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, mà còn khẳng định vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế trong chuyển đổi số.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa thông tin, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các điều ước quốc tế như Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền (1948), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1966), Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR, 1950) và Hiến chương quyền cơ bản của Liên minh châu Âu (2000) đã định hình khuôn khổ pháp lý nền tảng cho quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí, đồng thời thiết lập giới hạn hợp pháp để bảo vệ các quyền nhân thân. Trong đó, kinh nghiệm của Liên minh châu Âu (EU) nổi bật bởi mô hình quản trị đa tầng, kết hợp giữa “pháp luật cứng” - như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR, 2016), Đạo luật Dịch vụ số (DSA, 2022), Đạo luật Tự do truyền thông châu Âu (EMFA, 2023) và “pháp luật mềm” như bộ quy tắc đạo đức, cơ chế tự điều chỉnh nghề nghiệp và các hội đồng báo chí độc lập. EU không chỉ thiết lập khung pháp lý bảo đảm quyền con người mà còn tạo môi trường truyền thông minh bạch, an toàn và tôn trọng nhân phẩm cá nhân. Thực tiễn của EU cũng chứng minh rằng bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí không đồng nghĩa với việc hạn chế tự do biểu đạt, mà là tạo dựng một môi trường pháp lý có trách nhiệm, nhân văn và bảo đảm tính công bằng cho cả người làm báo và người được phản ánh.

Đối với Việt Nam, vấn đề bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số đang đặt ra nhiều cơ hội và thách thức. Hiến pháp năm 2013 cùng các đạo luật chuyên ngành như Luật Báo chí (2016), Luật Tiếp cận thông tin (2016), Luật An ninh mạng (2018) và Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân đã tạo khung pháp lý cơ bản để điều chỉnh hoạt động báo chí và truyền thông. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật vẫn còn thiếu tính đồng bộ, thiếu cơ chế giám sát độc lập và thiếu các công cụ pháp lý cụ thể để xử lý hành vi xâm phạm quyền nhân thân hoặc vi phạm đạo đức nghề nghiệp trong thời kỳ chuyển đổi số. Việc áp dụng quy định về quyền riêng tư, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm hay quyền dữ liệu cá nhân còn hạn chế trong thực tế, do chưa có chế tài đủ mạnh và cơ chế phối hợp hiệu quả giữa cơ quan báo chí, cơ quan quản lý và nền tảng công nghệ. Việc học hỏi kinh nghiệm của EU không chỉ giúp Việt Nam củng cố cơ sở pháp lý về nhân quyền trong hoạt động báo chí, mà còn định hướng xây dựng một nền truyền thông nhân văn, minh bạch và có trách nhiệm xã hội, nơi quyền tự do ngôn luận được thực thi trong khuôn khổ pháp quyền, và quyền con người được bảo đảm trong mọi hình thức biểu đạt. Đây chính là điều kiện tiên quyết để báo chí Việt Nam vừa phát huy vai trò là “quyền lực thứ tư” trong xã hội, vừa đáp ứng các chuẩn mực nhân quyền toàn cầu trong kỷ nguyên chuyển đổi số.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

Các công trình về Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số - kinh nghiệm từ Liên minh châu Âu và giá trị tham khảo cho Việt Nam:

1. Lê Hoàng Anh Tuấn (2022) (chủ biên) “Quan hệ Cộng hòa Séc – Mỹ giai đoạn 1993-2016”, *Nhà xuất bản Thế giới*.
2. Lê Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Chiến Thắng (2022) (đồng chủ biên) “Chuyển đổi số tại các nước châu Âu và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông*.
3. Lê Hoàng Anh Tuấn (2023) “Đại sứ Nhân quyền: Kinh nghiệm một số quốc gia ở châu Âu”. *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 15/7/2023.
4. Lê Hoàng Anh Tuấn (2023) “Vấn đề quyền con người trong bối cảnh chuyển đổi số ở Séc”. *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 31/8/2023.
5. Lê Hoàng Anh Tuấn (2022) “Solutions For Exporting vietnamese agricultural products to the EU under the EVFTA”. *Tạp chí Journal of European law and Economics*, no 02, (pp.04-16).
6. Lê Hoàng Anh Tuấn (2022) “Czech USA relations in politics and diplomacy”. *Tạp chí Journal of European law and Economics*, no 02 (pp.75-92).
7. Lê Hoàng Anh Tuấn (2022) “Tác động của Hiệp định EVFTA đối với quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và Cộng hòa Séc”. *Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*, số 612 (tr. 10-13).
8. Lê Hoàng Anh Tuấn (2023) “Vấn đề bảo đảm quyền con người trong luật pháp của Liên minh châu Âu”. *Tạp chí Luật sư Việt Nam điện tử*, ngày 10/2/2023.
9. Lê Hoàng Anh Tuấn (2023) “Vận dụng quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người”. *Tạp chí Luật sư Việt Nam điện tử*, ngày 22/5/2023.
10. Lê Hoàng Anh Tuấn (2025) “Tòa soạn hội tụ - Mô hình báo chí hiệu quả trong bối cảnh chuyển đổi số”. *Tạp chí Luật sư Việt Nam điện tử*, ngày 20/5/2025.
11. Lê Hoàng Anh Tuấn (2025) “Tòa án Nhân quyền châu Âu: Pháo đài bảo vệ quyền con người tại châu Âu”. *Tạp chí Luật sư Việt Nam điện tử*, ngày 04/7/2025.